CHƯƠNG NĂM

CÁC CHA CHÍNH, CÁC LINH MỤC THỪA SAI, CÁC LINH MỤC VIỆT NAM, CÁC THẦY GIẢNG

I. CÁC CHA CHÍNH

Theo Giáo luật, vị giám mục đương nhiệm còn sống hay là đi vắng mà cần có một linh mục để san sẻ công việc trong giáo phận, thì đích thân vị giám mục, hoặc cùng hội đồng giáo phận, đề cử ra một linh mục có khả năng và uy tín hầu giúp giám mục trong công việc cai quản giáo phận của mình. Vị linh mục được đề cử ấy là cha chính giáo phận (ngày nay là linh mục tổng đại diện). Trong Giáo phận Phát Diệm, trước khi chia và sau khi chia, cũng có một số vị được tuyển chọn làm cha chính.

1. Các cha chính thừa sai

1/ Cha chính Jean Bareille (Sơn) sinh ngày 23-12-1844 tại Sauvagnon, chịu chức linh mục ngày 28-10-1869; sang Địa phận Tây Đàng Ngoài ngày 18-01-1870. Được bổ nhiệm làm cha chính ngày 03-5-1902. Vì Đức cha Marcou Thành hồi đó về Âu châu, nên cha chính Sơn thay mặt tham dự Công đồng Kẻ Sở. Cha chính Sơn về hưu năm 1913 và qua đời ngày 13-12-1921, an táng trong đất thánh Nhà chung Phát Diệm.

2/ Cha chính Dominique Auguste Blanchard (Vọng) sinh ngày 15-9-1872 tại Beaupréau, chịu chức linh mục ngày 27-9-1896; sang Địa phận Tây Đàng Ngoài ngày 05-5-1897. Được làm chính xứ Việt-Pháp tại Hà Nội. Sau khi chia địa phận, Đức cha Marcou Thành bổ nhiệm ngài làm cha chính Thanh Hoá. Ngài qua đời ngày 08-7-1907 tại Hà Nội.

3/ Cha chính Jean Pierre Doumecq (Dụ) sinh ngày 26-11-1868 tại Accous, chịu chức linh mục ngày 27-9-1891; bí thư thứ nhất của Đức cha Marcou Thành. Vào khoảng 1910, ngài bị bệnh và chữa không khỏi nên đã từ chức "cố chính". Ngài qua đời ngày 06-5-1944 tại nhà quê Accous.

4/ Cha chính Augustin Paul Canilhac (Căn) sinh ngày 10-01-1883 tại Entraygues, chịu chức linh mục ngày 22-11-1905. Ngài thay cha chính Blancard Vọng trên Châu Lào. Đức cha Marcou Thành viết: *"Cố Căn làm bề trên các xứ trong Lào và cũng được thi hành quyền lợi như một cha quản hạt"* (1). Cha chính Căn bị thảm sát ngày 10-6-1946 tại Hồi Xuân.

5/ Cha chính Louis Christian de Cooman (Hành) sinh ngày 13-12-1881 tại Ninove, Belgique, chịu chức linh mục ngày 26-6-1904; sang Địa phận Thanh Đàng Ngoài ngày 03-8-1904. Ngài có hai anh ruột làm linh mục: Alexandre Alfred de Cooman Mẫn (1873-1933) truyền giáo miền Hưng Hoá và Albert Joseph de Cooman Phụng (1880-1967) thừa sai tại Hà Nội. Cha chính De Cooman Hành được chọn làm Giám mục phó Phát Diệm ngày 12-6-1917 và chính thức làm Giám mục đầu tiên của giáo phận mới Thanh Hoá ngày 21-6-1932. Ngài về Âu châu năm 1956 và qua đời ngày 07-6-1970 tại Lauris-Avignon.

6/ Cha chính Constant Désiré Poncet (Thảo) sinh ngày 08-7-1882 tại Blandin, chịu chức linh mục ngày 22-9-1906; sang Địa phận Thanh Đàng Ngoài ngày 28-10-1906, truyền giáo tại Phát Diệm; tháng 4 năm 1920, được bổ nhiệm cha chính thay Đức cha De Cooman Hành mới được thăng chức giám mục phó (2).

2. Các cha chính Việt Nam

1/ Cha chính Phêrô Hoàng Duy Côn: thụ phong linh mục ngày 06-12-1896, đã làm chính xứ Phúc Nhạc, Dưỡng Điềm, Điền Hộ và Phát Diệm. Ngài là cha chính đầu tiên người Việt ngày 22-12-1932 và là nghĩa phụ của 12 linh mục (3). Cha chính Côn qua đời ngày 09-02-1934.

2/ Cha chính Gioan Maria Phan Đình Phùng: sinh ngày 24-12-1891, thụ phong linh mục ngày 05-4-1924 và được bổ nhiệm làm cha chính năm 1935 và Giám đốc các thầy giảng kiêm Bề trên Nhà Dòng Mến Thánh Giá. Năm 1936, Giám đốc Đại Chủng viện Thượng Kiệm và ngày 02-6-1940, được chọn làm Giám mục phó Phát Diệm do Đức Khâm sứ Dreyer tấn phong ngày 03-12-1940.

3/ Cha chính Luca Mai Học Lý: sinh năm 1894 tại Trì Chính, du học Penang và thụ phong linh mục ngày 14-3-1928 tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Ngài về làm giáo sư Chủng viện Phúc Nhạc, rồi sau là vị linh mục Việt Nam đầu tiên được bổ nhiệm làm Giám đốc Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc năm 1941 thay cố Réminiac Nhạc đã thuyên chuyển vào Thanh Hoá. Cha chính Lý còn kiêm nhiệm Giám đốc Hội Các Thầy Giảng. Về sau, ngài từ chức, trao quyền cha chính cho cha già Phaolô Liêm và di cư vào Nam. Cha chính Lý qua đời ngày 26-8-1968 tại Sàigòn.

4/ Cha chính Giuse Nguyễn Xuân Thu: sinh năm 1894, thụ phong linh mục năm 1926, đã làm chính xứ Tam Tổng (Thanh Hoá), rồi Trung Đồng, Tân Khẩn và Hảo Nho

5/ Cha chính Phaolô Dương Đức Liêm: sinh năm 1884 tại Nam Hoà, sau khi mãn khoá tiểu chủng viện, ngài được bổ nhiệm làm giáo sư Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc (Đức cha Phan Đình Phùng là cựu môn đệ). Học Đại Chủng viện Kẻ Sở, thụ phong linh mục năm 1916. Được bổ nhiệm làm giám đốc Trường Thầy Giảng, hồi đó ở Tam Châu; sau làm chính xứ Yên Vân và Phúc Nhạc. Năm 1954, cha Chính Luca Lý đi vào Nam, trao quyền cha chính cho cha Phaolô Liêm. Cha chính Liêm đã tổ chức tuần cấm phòng cho các cha năm 1956. Ngày 25-01-1957, Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo được Toà Thánh bổ nhiệm làm Giám quản Phát Diệm và về nhận chức tại Phát Diệm. Cha chính Phaolô Liêm xin từ chức, về hưu và tạ thế ngày 28-8-1960, an táng tại nghĩa trang Phúc Nhạc.

6/ Cha chính Giuse Lê Quý Thanh: sinh ngày 19-3-1902, thụ phong linh mục ngày 17-3-1934, được bổ nhiệm làm cha chính ngày 07-9-1959, kiêm chính xứ Văn Hải (1960-1964). Được tấn phong Giám mục phó Phát Diệm ngày 13-02-1964.

7/ Cha chính Giuse Nguyễn Thiện Khuyến: sinh năm 1900, thụ phong linh mục ngày 05-4-1930. Năm 1974, được bổ nhiệm làm cha chính; rồi được tấn phong Giám mục phó Phát Diệm ngày 24-4-1977.

8/ Cha chính Phêrô Vũ Hiếu Cúc: chào đời năm 1898 tại Bình Sa, nghĩa tử cha chính Hoàng Duy Côn. Du học tại Penang, thụ phong linh mục năm 1927 và làm giáo sư tại Tiểu Chủng viện Phúc

Nhạc. Được bổ nhiệm làm cha chính địa phận năm 1980. Ngài qua đời ngày 17-6-1984 và an táng tại Bình Sa.

9/ Cha chính Phaolô Tịnh Quang Thiều: tên họ của ngài là Nguyễn, nhưng từ ngày nhận cha thánh Lê Bảo Tịnh làm quan thầy, ngài thường hay lấy tên thánh "Tịnh" thay cho họ Nguyễn. Cha sinh ngày 10-11-1917 tại Hàm Ân, xứ Khiết Kỷ, thụ phong linh mục ngày 31-10-1947, quyền chính xứ Bình Sa (1947), phó xứ Tôn Đạo (1949), phó xứ Phát Diệm (1950). Hôm được bổ nhiệm chính xứ Mưỡu Giáp năm 1952, trên đường về nhận nhiệm sở mới, đi qua Hoàng Mai, ngài "được" công an mời về thảo luận và bắt đi tù tại Thanh Hoá (Khu IV). Đã có tin ngài qua đời, cho nên Đức cha Lê Hữu Từ đã làm lễ cầu hồn cho ngài tại Phát Diệm. Nhưng Lễ Sinh Nhật năm 1954, cha Tịnh Quang Thiều đột nhiên trở về. Cha chính Lý (đi Nam đêm 01-01-1955) bổ nhiệm ngài làm chính xứ Hoàng Mai, Thiện Dưỡng rồi về Quảng Phúc, phụ trách tất cả các xứ hạt Yên Mô.

Ngày 05-11-1955, cha Tổng quản Dương Đức Liêm cử ngài đi coi các xứ Yên Thổ, Bình Sơn, Quảng Phúc và Bình Hải. Ngày 15-4-1956, cha Thiều bị Cải Cách Ruộng Đất gọi về Phát Diệm để chịu đấu tố. Một tháng sau thì cho về Yên Thổ.

Cuối tháng 11-1956, nhân dịp cấm phòng chung, các cha bầu cha Thiều phụ trách văn phòng Toà Giám mục. Nhưng ngày 28-8-1959, cha Thiều lại bị buộc rời khỏi Phát Diệm và bị quản thúc tại xứ Quảng Phúc cho mãi tới ngày 15-6-1987 mới được "giải quản".

Đức cha Bùi Chu Tạo đặt ngài làm cha chính giáo phận từ năm 1984, nhưng mãi ngày 04-5-1989 mới công bố. Đầu tháng 10-1993, Toà Thánh ban thưởng "Giám chức của Đức Thánh Cha" (tước Đức ông hạng II). Ngài có công trùng tu các nhà thờ Bạch Liên, Yên Thổ, Bình Hải, Hảo Nho và xây mới hoàn toàn nhà thờ Quảng Phúc.

10/ Cha chính Giuse Vũ Công Hoàng: sinh năm 1938, thụ phong linh mục năm 1982, nguyên chính xứ Văn Hải.

II. CÁC LINH MỤC THỪA SAI

Một tài liệu còn lưu trữ tại văn khố Hội Thừa Sai Ba Lê (4) cho thấy danh sách hàng giáo sĩ thừa sai đầu tiên dưới đây được sai đến truyền giáo tại Hà Nội và Phát Diệm:

Claude Deux (Nhị)	1843-1937	Chủng viện Phúc Nhạc
Pierre Victor Rigouin	1853-1904	Giáo phận Thanh Hoá
Alexandre Pilon (Long)	1862-1917	Chết tại Điền Hộ
Jean Marie Martin (Triệu)	1861-1935	Chết tại Hà Nội
Antoine Chaize	1862-1931	Chết tại Phát Diệm
Paul Marie Schlotterbek	1866-1941	Chết tại Hà Nội
Alfred Barbier (Cẩn)	1861-1951	Chết tại Thanh Hoá
Auguste Feillon (Long)	1860-1936	Chết tại Montbeton
Jean A. Soubeyre (Dũng)	1868-1936	Điền Hộ
Jean Pacifique Viallet	1871-1907	Kẻ Bền
Louis Marie Corbel (Vạn)	1869-1952	Chủng viện Phúc Nhạc
Jean Pierre Rey (Trọng)	1870-1952	Châu Lào
Adolf A. Patuel (Tiến)	1873-1947	Mục Sơn

Antoine Bourlet (Độ)	1874-1952	Châu Lào
Jean J. Chevallay (Chế)	1874-1937	Ba Làng
Raymond L. Felix (Báu)	1874-1906	
Jean M. Reboton (Thông)	1874-1906	Hảo Nho
Jean Baptiste Degeorge	1874-1926	Phong Ý
Charles T. Roucoules	1874-1953	Chết tại Montbeton
Alphongse M. Thuet	1875-1903	Chết tại Ban-Nghiu
Clément Pleneau (Kim)	1877-1927	
Emile Petit	1873-	
Paul Aug. Gros (Hồng)	1879-1964	Chết tại Paris
Thé Francheteau (Phan)	1898-1945	
Jean Chambonier (Lang)	1903-1983	Chết tại Montbeton
Eugène Gouin (Tân)	1901-1975	Chết tại Landreau
Gilbert Barnabé (Bá)	1904-1975	Chết tại Sài Gòn
Daniel Victor Lury (Lưu)	1886-1953	Chết tại Montbeton
Jean Mironneau (Vọng)	1898-1990	Giáo phận Thanh Hoá
Paul Boudillet (Đinh)	1883-1946	
Paul Delmas (Pháp)	1886-1970	Chết tại Montbeton
Lucien Lehmann (Lễ)	1889-1981	
Jean M. Donjon (Đông)	1902-1996	Chết tại Lauris

Ngoài các linh mục thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê mới kể trên đây, còn một số linh mục ngoại quốc khác đã đến truyền giáo ở Việt Nam, nhưng bắt đầu từ Phát Diệm, đây là trường hợp hai cha thuộc Hội Xuân Bích: Cha Léon Paliard (Lý) và cha Paul Uzureau (Đoán). Năm 1929, hai cha đã đến Phát Diệm để học tiếng Việt trong hai năm. Là những linh mục chuyên môn dậy đại chủng viện, Đức cha Marcou Thành đã xếp để hai cha sống tại Trường Thần học Giáo phận. Công cuộc đào tạo chủng sinh rất tốt đẹp và thành công, nhưng vì hai cha thuộc Hội Xuân Bích, nên khi Đức Khâm sứ và các giám mục Đông Dương xây đại chủng viện tại Liễu Giai, ngoại ô Hà Nội và trao cho Hội Xuân Bích điều khiển, các ngài được điều về đó. Từ 1934 cho tới khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ vào cuối năm 1946, trường Xuân Bích đã đào tạo cho các giáo phận Đông Dương hằng trăm linh mục ưu tú.

Trường hợp thứ hai là ba linh mục người Bỉ, thuộc "Hội Linh Mục Trợ Giúp Các Xứ Truyền Giáo" (Les Auxiliaires des Missions), do Linh mục Vincent Lèbe sáng lập để giúp các nước Viễn Đông, nhất là Giáo hội Trung Hoa vừa mới độc lập. Hội đã đề cử ba linh mục đến Phát Diệm.

1. Cha Emmanuel Jacques Houssa (Sang), chịu chức linh mục năm 1936. Ngài đến Phát Diệm và dạy Pháp văn tại Phúc Nhạc. Vì nhu cầu, Đức cha Nguyễn Bá Tòng bổ nhiệm ngài làm chính xứ Ninh Bình một thời gian, rồi về nước dưỡng bệnh. Sau khi bình phục, ngài sang Hoa Kỳ một thời gian lâu và giúp cho giáo phận bằng cách xin nhiều học bổng cho các đại chủng sinh, một số sinh viên giáo dân và cho nhiều giáo phận khác.

2. Cha Dieudonné Bourguignon (Bửu), giáo sư Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Về sau, 3 lớp chủng sinh lớn của Phúc Nhạc di chuyển về Thượng Kiệm, ngài được bổ nhiệm đi theo với danh hiệu là Phó Giám đốc. Cha Bề trên Phượng là giám đốc.

3. Cha Robert Willichs (Lịch), kỹ sư. Ngài đã xây và điều hành nhà máy điện của Nhà chung (bên bờ hồ Phát Diệm). Ngài cũng biết về y học, nên đã giúp giải phẫu cứu thương ở bệnh viện Phu Vinh.

III. CÁC LINH MỤC VIỆT NAM

1. Khi mới phân chia địa phận năm 1901, gồm 48 vị (5):

1/ Cha già Ninh	25/ Cha Tình
2/ Cha già Chuẩn	26/ Cha Hồ
3/ Cha già Năm	27/ Cha Thiệu
4/ Cha già Trà	28/ Cha Đàm
5/ Cha già Tính	29/ Cha Huy (Định)
6/ Cha già Thái	30/ Cha Thinh
7/ Cha già Hào	31/ Cha In
8/ Cha già Ngôn	32/ Cha Cung
9/ Cha già Luân	33/ Cha Tích
10/ Cha già Phàm	34/ Cha già Mỹ
11/ Cha già Quản	35/ Cha già Khâm
12/ Cha già Sỹ	36/ Cha già Hưởng
13/ Cha già Dương	37/ Cha già Hiệu
14/ Cha già Tuế	38/ Cha già Tuấn
15/ Cha già Hạnh	39/ Cha Thái
16/ Cha già Nhân	40/ Cha Phong
17/ Cha già Hiếu	41/ Cha Hoan
18/ Cha già Duy	42/ Cha Đán
19/ Cha già Côn	43/ Cha Khoa
20/ Cha già Chấn	44/ Cha Tịch
21/ Cha già Vũ	45/ Cha Ân
22/ Cha Chỉnh	46/ Cha Phượng
23/ Cha Trị	47/ Cha Uyển
24/ Cha Bản	48/ Cha Huyền

2. Danh sách 27 linh mục thuộc Giáo phận Phát Diệm hiện nay (năm 2001):

1/ G.B. Đinh Công Dũng	15/ Giuse Lê Đức Năng
2/ Giuse Vũ Quang Điện	16/ Phêrô Nguyễn Quang Phúc
3/ Phêrô Vũ Đại Đồng	17/ P.X. Nguyễn Đức Quỳnh
4/ Antôn Đoàn Minh Hải	18/ Vinh Sơn Nguyễn Văn Phương
5/ Phaolô Đinh Công Hạnh	19/ Luca Trần Hùng Sỹ
6/ Phêrô Trần Văn Hoà (du học tại Roma)	20/ Giuse Maria Phạm Đức Tấn
7/ Ignaxu Bùi Ngọc Hoàng	21/ Giuse Mai Văn Thiện

8/ P.X. Nguyễn Văn Hoàng	22/ Phaolô Nguyễn Chu Trình
9/ Giuse Vũ Công Hoàng (Tổng đại diện)	23/ Antôn Nguyễn Tâm Tư
10/ Phaolô Trần Lưu Huỳnh	24/ Antôn Phan Văn Tự
11/ Giuse Trần Văn Khoa	25/ Giuse Trần Ngọc Văn
12/ Giuse Phạm Ngọc Khuê (Du học tại Pháp)	26/ Phêrô Trần Cao Vọng
13/ Gioan Bùi Văn Kế	27/ Phêrô Trần Văn Vũ
14/ Antôn Phạm Hoàng Lữ	

3. Danh sách các linh mục Phát Diệm tại Miền Nam (6):

Nhập Giáo phận Sàigòn

1/ Phêrô Mai Đức Thạc	44/ Giuse Vũ Hữu Tự
2/ Luca Mai Học Lý	45/ G. Trần Ngọc Báu
3/ Gioan Hoàng Tất Đắc	46/ Paul Nguyễn Gia Đệ
4/ Giuse Ngô Công Hiến	47/ Marcô Trần Cao Đàm
5/ P. Nguyễn Ngọc Ngoạn	48/ Luca Trần Văn Huy
6/ Phêrô Vũ Khiêm Cung	49/ B. Phạm Văn Quy
7/ Giuse Vũ Văn Hải	50/ Giuse Trần Đạo Chu
8/ G. Nguyễn Duy Phượng	51/ G.B. Đinh Đắc Nhuận
9/ Phêrô Vũ Đức Tăng	52/ Bat. Trần Trí Mạnh
10/ D. Hoàng Công Khanh	53/ P.X. Vũ Đức Hiệp
11/ Phaolô Lê Nguyên Kỷ	54/ Mat. Phạm Hảo Kỳ
12/ Phêrô Đoàn Độc Thư	55/ G.B. Trần Ngũ Nhạc
13/ Phêrô Lê Quý Liêm	56/ D. Phạm Công Tứ
14/ Paul Phạm Chí Nhân	57/ D. Trần Ngọc Nhuận
15/ G. Phạm Kim Xuyến	58/ P. Nguyễn Văn Long
16/ Phaolô Hoàng Quỳnh	59/ Mat. Phạm Công Ngơi
17/ Ant. Nguyễn Trí Nhiên	60/ Antôn Trần Ngọc Lạc
18/ Giuse Phạm Bá Cử	61/ G.B. Mai Văn Điệu
19/ Giuse Vũ Suý Ba	62/ Ant. Nguyễn Tứ Đại
20/ P. Đinh Long Điện	63/ Ant. Trần Văn Kiệm
21/ Phêrô Vũ Kim Điện	64/ P. Trần Trung Lương
22/ P. Dương Vĩnh Trị	65/ Giuse Vũ Hữu Văn
23/ Phaolô Trần Hữu Lý	66/ A. Nguyễn Ngọc Bảo
24/ G. Nguyễn Văn Quân	67/ Ant. Hoàng Thiện Chi
25/ P.X. Đặng Đức Vượng	68/ Antôn Vũ Thái Hoà
26/ G.B. Nguyễn Công Tứ	69/ B. Nguyễn Xuân Thu
27/ G. Phạm Bá Nguyên	70/ B. Vũ Đình Trọng
28/ G.B. Vũ Ngọc Yến	71/ Phan. Vũ Văn Nhân
29/ Louis Trần Phúc Vy	72/ G. Trần Mạnh Thắng
30/ Giuse Đoàn Phi Hùng	73/ G. Nguyễn H. Trung
31/ Grê. Trần Phương Phi	74/ G. Nguyễn Toàn Công
32/ Ph.X. Trần Ngọc Phan	75/ Alb. Trần Phúc Nhân

33/ Têphanô Phan Sâm	76/ Gioakim Đinh Thực
34/ G. Nguyễn D. Mậu	77/ H. Trần Ngọc Bích
35/ G.B. Phạm Năng Trí	78/ G. Phạm Đình Nhu
36/ P. Trần Đình Khoa	79/ M. Nguyễn Minh Đăng
37/ Pascal Vũ Hoàng Bát	80/ Giuse Trần Phúc Hạnh
38/ G. Phan Công Bình	81/ Tôma Phạm Văn Dần
39/ V. Vũ Ngọc Quý	82/ Giuse Tô Ngọc Liên
40/ P. Nguyễn Minh Nhật	83/ Luca Trần Khánh Tích
41/ A. Nguyễn Văn Thuỷ	84/ Antôn Nguyễn Tuế
42/ A. Nguyễn Văn Luận	85/ Antôn Phan Lâm
43/ S. Phạm Ngọc Miện	

Nhập Giáo Phận Đà Lạt

Antôn Nguyễn Minh Tân
Phêrô Đỗ Xuân Thính
Gioan Trần Minh Học
Vincent Trần Ngọc Thụ
Antôn Phạm Ngọc Lan
Rôcô Trần Hữu Linh
Rôcô Trần Phúc Long
G. Nguyễn Đức Tụng
Giuse Đỗ Đình Thuần
Anrê Trần Văn Hoá
Phan. Phạm Đình Nhã
M. Trần Xuân Thành
L. Phạm Văn Nhượng
G. Phạm Đình Kế
Gioan Phan Công Chuyển
Phêrô Hoàng Ngọc Dao
Ste. Bùi Thượng Lưu

Nhập Giáo phận Vĩnh Long:

Phạm Bá Nha
Giuse Nguyễn Văn Bút
Phanxicô X. Dương Văn Mỹ
Phaolô Khổng Đức Ý
Phêrô Phạm Hoàng Điềm

Nhập Giáo phận Mỹ Tho:

Phanxicô Hồ Đức Nhượng
Gioan B. Trần Văn Huyến

Phêrô Đinh Văn Dậu
Giuse Phạm Quang Kính
Grêgoriô Lê Nguyên Hoà
A. Vũ Sỹ Hoằng
Gioan Phạm Văn Chúc
Giuse Đinh Huy Hưởng

Nhập Giáo phận Cần Thơ:

Giuse Trần Công Hoán
Giuse Trần Minh Chiêu
Anrê Nguyễn Quang Toàn

Nhập Giáo phận Long Xuyên:

Antôn Phạm Trung Kiên
Simon Nguyễn Quang Duy
Phanxicô X. Nguyễn Văn Luyến
Giuse Trần Công Chức
Phaolô Vũ Sửu
Phaolô Vũ Đình Khoan
Phêrô Nguyễn Văn Vũ
Chu Văn Nghi
Phêrô Dương Đình Tảo

Nhập Giáo phận Kontum:

Giuse Nguyễn Hữu Nghị
Phaolô Võ Quốc Ngữ
Grêgoriô Đỗ Trúc Đường
Đaminh Trương Bảo Tâm

Nhập Giáo phận Ban Mê Thuột:

Giuse Hoàng Y
Aug. Nguyễn Văn Tra
Giuse Đỗ Đình Thuần
Đa Minh Vũ Văn Thiện
Giuse Bùi Quang Đạo

Nhập Giáo phận Nha Trang:

Phêrô Vũ Văn Tự Chương
Augustinô Đinh Xuân Vinh

Nhập Giáo phận Quy Nhơn:

Bênađô Nguyễn Quang Nhung
Vũ Hoàng Thuần
Phaolô Nguyễn Thanh Lịch
Phêrô Vũ Văn Chương
Phêrô Khổng Văn Giám
Phêrô Phan Anh Thụ
Phanxicô Trần Hoà

Nhập Giáo phận Đà Nẵng:

Anrê Phạm Năng Tĩnh
Antôn Mai Lạc Thiện
Giuse Nguyễn Văn Tịnh
Antôn Vũ Như Huỳnh
Vincent Phạm Đắc Bằng
Phêrô Khổng Văn Giám
Giuse Vũ Dần
Phêrô Vũ Văn Khoá
Giuse Khổng Năng Bao
Giuse Vũ Văn Trúc
Phaolô Mai Văn Tôn

Nhập Phú Cường

Têphanô Phan Sâm
Gioan Trần Bình Trọng
Phaolô Phạm Quốc Tuý

Nhập Xuân Lộc:

Vinh Sơn Nguyễn Ngọc Quý
Gioan Phan Công Bình
Bênadô Nguyễn Xuân Thu
Antôn Khổng Tiến Giác
Gioan Phạm Đình Nhu
Antôn Nguyễn Tuế
Giuse Trần Minh Phú
Giuse Đỗ Văn Tự
Gioan Trần Công Nghị
Ant. Phạm Khắc Liêm
Giuse Nguyễn Đức Lục
Giuse Phạm Cao Thanh
Giuse Tống Đình Quý

Giuse Trần Xuân Thịnh
Giuse Trần Văn Cử

Nhập Xuân Bích:

G.B. Nguyễn Văn Đán
Phêrô Nguyễn Lân Mẫn

4. **Danh sách các linh mục và thầy giảng Phát Diệm đã qua đời và an táng tại đất thánh An Dưỡng Viện Phát Diệm.**

Tên Thánh - Tên gọi	Sinh năm	Qua đời	Thọ
1/ Đức cha Tađêô Lê Hữu Từ	1896	24-4-67	71 tuổi
2/ G. Nguyễn Xuân Thu	1894	03-03-56	62 tuổi
3/ A, Trần Cao Luận	1893	19-05-57	64 tuổi
4/ P. Đỗ Hàng Tùng	1881	02-06-58	77 tuổi
5/ P. Phạm Văn Lâm	1893	17-06-58	65 tuổi
6/ P. Nguyễn Hữu Chí	1885	16-01-62	77 tuổi
7/ G. Hoàng Tất Đắc	1885	03-12-63	78 tuổi
8/ Paul Nguyễn Lịch	1918	15-11-66	48 tuổi
9/ G. Trần Phúc Hạnh	1931	16-03-66	35 tuổi
10/ Phêrô Mai Đức Thạc	1880	03-07-68	88 tuổi
11/ G. Trần Đàm Tiếu	1894	12-08-68	74 tuổi
12/ Luca Mai Học Lý	1895	26-08-68	73 tuổi
13/ G. Phạm Kim Xuyến	1900	11-10-68	68 tuổi
14/ G. Bùi Quang Chiểu	1893	09-02-69	76 tuổi
15/ Ph. Đinh Xuân Dy	1910	15-04-69	59 tuổi
16/ Phêrô Lê Quý Liêm	1900	05-05-69	69 tuổi
17/ Antôn Nguyễn Nhiên	1904	15-05-69	65 tuổi
18/ Ph. Nguyễn Hùng	1903	20-03-70	67 tuổi
19/ P. Trần Ngọc Phan	1923	17-04-70	47 tuổi
20/ L. Trần Đức Chu	1903	02-06-70	67 tuổi
21/ Ph. Lý Ngọc Trác	1900	07-01-71	71 tuổi
22/ Gia. Trần Ngọc Ru	1942	26-08-71	29 tuổi
23/ G. Nguyễn Bá Ngự	1906	11-01-72	66 tuổi
24/ D. Hoàng C. Khanh	1900	07-12-73	73 tuổi
25/ P. Vũ Khiêm Cung	1897	03-04-74	77 tuổi
26/ P. Dương Tự Quý	1889	25-08-74	85 tuổi
27/ G. Nguyễn Duy Phượng	1900	21-01-75	75 tuổi
28/ Phan. Trần Hoàng	1924	30-04-75	51 tuổi
29/ P. Dương Vĩnh Trị	1902	01-09-75	73 tuổi
30/ P. Đoàn Độc Thư	1900	25-01-76	76 tuổi
31/ P. Nguyễn X. Diệm	1909	20-09-78	69 tuổi
32/ Ph. Trần Ngọc Đỉnh	1905	04-12-78	73 tuổi

33/ M. Ngô Phúc Thừa	1904	20-09-78	75 tuổi
34/ P. Phạm Văn San	1915	04-12-78	65 tuổi
35/ Ph. Phạm Khắc Tần	1884	26-01-79	95 tuổi
36/ A. Võ Tường Huấn	1908	26-01-73	73 tuổi
37/ P. Hoàng Đ. Khôi	1899	28-12-79	88 tuổi
38/ A. Nguyễn Minh Tân	1903	20-01-80	77 tuổi
39/ Mar. Trần Cao Đàm	1912	17-01-82	70 tuổi
40/ Ph. Trần Duy Hoà	1902	18-09-82	80 tuổi
41/ Giuse Vũ Suý Ba	1903	19-02-83	80 tuổi
42/ Ant. Trần Văn Ven	1909	17-10-84	75 tuổi
43/ Luc. Đinh Ngọc San	1898	04-07-85	87 tuổi
44/ Giuse Vũ Văn Hải	1898	21-01-85	87 tuổi
45/ Giuse Phạm Văn Cử	1903	04-01-86	83 tuổi
46/ Ph. Đinh Long Điện	1914	08-10-86	72 tuổi
47/ P. Đặng Đức Vượng	1910	20-09-87	77 tuổi
48/ P. Nguyễn Ngọc Ngoạn	1898	28-01-90	92 tuổi
49/ P. Nguyễn Văn Yến	1913	31-07-90	77 tuổi
50/ P. Nguyễn Thịnh Sự	1907	26-08-90	83 tuổi
51/ Ant. Phạm Ngọc Lan	1919	08-04-92	78 tuổi
52/ Bat. Trần Trí Mạnh	1914	23-07-92	78 tuổi
53/ Phêrô Vũ Đức Tăng	1900	23-06-93	93 tuổi
54/ Luca Trần Văn Huy	1915	21-06-93	78 tuổi
55/ Giuse Vũ Duy Cẩn	1908	28-09-93	85 tuổi
56/ Anrê Phạm An Bình	1918	12-10-93	75 tuổi
57/ G.B. Đinh Đắc Nhuận	1914	25-09-95	81 tuổi
58/ Nguyễn Quang Duy	1920	28-09-95	75 tuổi
59/ A. Phạm Năng Tĩnh	1920	16-10-95	75 tuổi
60/ I. Phạm Minh Giảng	1906	01-02-97	91 tuổi
61/ Dom. Phạm Công Tứ	1914	27-02-97	83 tuổi
62/ P. Trần Trung Lương	1918	01-03-98	80 tuổi
63/ Phan. Vũ Văn Nhân	1926	24-06-98	72 tuổi
64/ G. Phạm Văn Thức	1917	05-06-99	82 tuổi

5. Danh sách các linh mục Phát Diệm đã qua đời và chôn cất nơi khác

1/ Phaolô Lê Nguyên Kỷ	16/ Ant. Hoàng Thiện Chi
2/ Phaolô Phạm Chí Nhân	17/ Antôn Vũ Thái Hoà
3/ Phaolô Hoàng Quỳnh	18/ B. Vũ Đình Trọng
4/ P. Vũ Kim Điện (Roma)	19/ G.B. Đoàn Như Bách
5/ G. Phạm Bá Nguyên	20/ Pascal Vũ Hoàng Bát
6/ Phêrô Vũ Hữu Tự	21/ A, Nguyễn Văn Thuỷ
7/ Giuse Trần Ngọc Báu	22/ S. Phạm Ngọc Miện
8/ P.X. Vũ Đức Hiệp	23/ G. Trần Mạnh Thắng
9/ Giuse Trần Đạo Chu	24/ Nguyễn Hoàng Trung
10/ Mat. Phạm Hảo Kỳ	25/M. Nguyễn Minh Đăng
11/ G.B. Trần Ngũ Nhạc	26/Trần Hữu Linh

12/ Mat. Phạm Công Ngơi	27 Nguyễn Văn Luyến
13/ Antôn Trần Ngọc Lạc	28/ Trần Văn Huyến
14/ G.B. Mai Văn Điệu	29/ Giuse Trần Công Chức
15/ Giuse Vũ Hữu Văn	30/ LM Nguyễn Thế

6. Danh sách các linh mục thuộc giáo phận khác đã qua đời và an táng tại đất thánh An Dưỡng Viện Phát Diệm

Tên Thánh – Tên Gọi	Sinh năm	Qua đời	Thọ
1/ G.B. Đào Duy Thứ (Giáo phận Bắc Ninh)	1921	15-10-83	62 tuổi
2/ Giuse Vũ Ngọc Tấn (Giáo phận Bắc Ninh)	1919	19-08-87	68 tuổi
3/ A. Phạm Đình Trọng (Giáo phận Hà Nội)	1922	08-02-88	66 tuổi
4/ P. Trần Xuân Lộc (Giáo phận Hà Nội)	1904	25-08-90	86 tuổi
5/ P. Bùi Ngọc Quý (Giáo phận Hà Nội)	1917	01-09-92	75 tuổi
6/ P.X. Hoàng Tiệp (Giáo phận Hà Nội)	1922	05-11-92	70 tuổi
7/ G.B. Vũ Xuân Lai (Giáo phận Hà Nội)	1900	31-07-95	95 tuổi
8/ P. Nguyễn Đình Chế (Giáo phận Bắc Ninh)	1929	02-10-97	68 tuổi
9/ G. Mai Xuân Hoà (Giáo phận Hưng Hoá)	1923	03-05-99	76 tuổi
10/ Nguyễn Văn Tuyên (Giáo phận Hà Nội)	1930	08-08-99	69 tuổi

7. Danh sách các linh mục Phát Diệm ở hải ngoại

Hoa Kỳ

1/ A. Nguyễn Ngọc Bảo	17/ Louis Vũ Lâm
2/ Vincent d'Auriol Bằng	18/ Rocô Trần Phúc Long
3/ G. Trần Công Nghị	19/ Giuse Tô Ngọc Liên
4/ G. Phan Công Bình	20/ Nguyễn Duyên Mậu
5/ P. Phạm Văn Chính	21/ Giuse Trần Văn Phát
6/ Nguyễn Văn Chuẩn	22/ G. Nguyễn Lợi
7/ Nguyễn Trường Cửu	23/ P. Phạm Văn Phương
8/ Luca Phan Anh Dụ	24/ G. Trần Minh Quang
9/ Nguyễn Thái Đoàn	25/ Nguyễn Huy Quyền
10/ Giuse Vũ Đức	26./Nguyễn Xuân Quýnh
11/ P. Phan Thanh Hiền	27/ A. Hoàng Minh Thư
12/ G. B. Phạm Minh Hứa	28/ P. Trần Bình Trọng
13/ Nguyễn Xuân Hương	29/ Giuse Phạm Văn Tuệ
14/ Antôn Trần Văn Kiệm	30/ G. Nguyễn Đức Tụng

15./Isidore Nguyễn Bá Kỳ	31/ Anrê Trần Cao Tường
16/ Antôn Phan Lâm	32/ G. Vũ Thành

Canada

1/ Cha Antôn Phạm Quang Hàm
2/ Cha Phaolô Nguyễn Gia Đệ
3/ Cha Trần Xuân Lãm

Pháp quốc

1/ Cha Dương Như Hoan
2/ Cha Nguyễn Ất
3/ Cha Phạm Văn Dần

Đức quốc

1/ Cha Têphanô Bùi Thượng Lưu
2/ Cha Giuse Nguyễn Văn Tịnh

Ý Đại Lợi

1/ Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ
2/ Vũ Kim Điện
3/ Dom Vũ Văn Thiện Gioan Trần Mạnh Duyệt
4/ Phanxicô B. Trần Văn Khả
5/ Gioan Trần Mạnh Duyệt

IV. CÁC THẦY GIẢNG

Linh mục Mai Đức Thạc trong *"Tiểu Sử Đức Cha Thành",* trang 20, đã kể: *"Giáo phận Phát Diệm, trong ngày chia khỏi Giáo phận Hà Nội, còn có 112 thầy giảng".* Hiện nay không có tài liệu nào chi tiết chính xác con số 112 thầy giảng, nhất là danh sách các thầy, những cộng sự viên có công lao thiết yếu trong vườn nho Chúa.

Thật mừng, chúng tôi tìm thấy trong *"Bút Ký"* của Linh mục Luca Hùng Sỹ (7) con số các thầy giảng đầu tiên (1901) mà tác giả minh chứng đã lấy từ *"Niên Giám*" mà Đức cha Marcou Thành đã cho xuất bản năm 1923, theo thứ tự năm lĩnh "Bằng Thầy Giảng":1885- Thầy Đốc Lai (thầy giảng đầu tiên), cao niên nhất, đã làm "thầy đốc" (giám thị) Chủng viện Phúc Nhạc trong vòng 50 năm; thầy qua đời năm 1935.

1888- Thầy Phêrô Hoạt.
1891- Thầy Đa Minh Đài (đã chịu phép cắt tóc),
1895- Thầy Phêrô Hiển.
1897- Thầy Phêrô Kiên.

1899- Thầy Phêrô Khương.

"Niên Giám Giáo Phận Phát Diệm" năm 1923, Đức cha Marcou Thành thêm 31 thầy giảng:

1902- Các thầy: Phêrô Am, Gioan B. Pháp (I), Phaolô Tiệm.
1903- Thầy Phêrô Hoá.
1904- Thầy Phêrô Tâm, Thầy Phêrô Cần.
1905- Thầy Phêrô Hợp (I).
1906- Các thầy: Anrê Ngọc (I), Phêrô Nho.
1907- Thầy Phêrô Đễ.
1908- Các thầy: Phêrô Trúc, Phêrô Thông (I).
1909- Thầy Giuse Huệ.
1910- Các thầy: Phanxicô Xaviê Tấn, Giuse Thập.
1912- Thầy Phêrô Pháp (I).
1913- Các thầy: Phêrô Quý, Phêrô Biểu, Phêrô Thuần (I).
1914- Các thầy: Phêrô Long, Phanxicô Xaviê Thu.
1915- Thầy Anrê Hợp (II).
1917- Các thầy: Giuse Tú, Phêrô Hạnh (I), Phêrô Nhân.
1919- Các thầy: Tôma Thuật (I), Giuse Học.
1920- Thầy Giuse Bính.
1921- Thầy Gioan Hạnh (II).
1922- Các thầy: Phêrô Khôi, Phaolô Trác.
Theo *"Lịch Địa Phận Phát Diệm"* các năm 1940, 1943, 1946, 1953 thêm 106 thầy giảng:
1923- Các thầy: Trác, Giuse Bản, Phaolô Ninh (giỏi Toán).
1924- Các thầy: Phaolô Đán, Đa Minh Huyền, Giuse Lạc, Anrê Phúc (II), Giuse Đạt, Phêrô Uyên.
1925- Các thầy: Maththêu Thừa, Phêrô Đường (I), Giuse Thiết.
1926- Thầy Antôn Thuần (II), Thầy Phêrô Hùng.
1927- Thầy Giuse Hương.
1928- Các thầy: Đa Minh Hiểu, Inhaxu Giảng, Giuse Phúc (I).
1929- Các thầy Giuse Ngự (bốn chức), Antôn Duyệt, Đa Minh Mỹ, Phêrô San, (I), Phêrô Sự.
1930- Các thầy: Giuse Quảng, Gioan Quỳ, Phanxicô Xaviê Đàm.
1931- Các thầy: Giuse Cẩn, Giuse Thoại (bốn chức), Giuse Hoán, Antôn Ven (hai chức), Gioan B. Thức (I), Phêrô Vọng.
1932- Các thầy: Phanxicô Thịnh, Phanxicô Phán, Phêrô Dị.
1933- Các thầy: Antôn Tín (I), Silvestre Ý, Giuse Trung (sau thụ phong linh mục).
1934- Các thầy: Antôn Trung, Gioan Bảng (hai chức), Gioan B. Dậu, Matthêu Diện (I), Phêrô Diệm (II), Giuse Hải, Giuse Hoán, Martinô Suý, Giuse Thuyết.
1935- Các thầy: Antôn Kỳ (bốn chức), Phêrô Mai.
1936- Các thầy: Giuse Đước, Phêrô Thông (II).
1937- Các thầy: Giuse Tài, Gioan Mậu, Giuse Khoản, Giuse Hạo, Gioan Cung, Gregoriô Đường (sau thụ phong linh mục).
1938- Các thầy: Phanxicô Hảo, Đa Minh Hựu, Phêrô Sinh, Silvestre Kỳ (II), Phaolô San (II), Phaolô Thất, Gioan Thuật (II), Giacôbê Thoả, Phêrô Vang.

1939- Các thầy: Phêrô Ngọc (II), Phaolô Nho (II), Antôn Tín (II), Gioan B. Dạy, Lêô Mạnh, Giuse Đang.
1940- Các thầy: Phanxicô Xaviê Việt, Phaolô Kiểm.
1942- Các thầy: Vinh Sơn Trung, Phêrô Dụ, Laurensô Vân, Giuse Học (III), Giacôbê Huyền, Antôn Khoan (I), Phêrô Phẩm, Thầy Gioan Thức (II), Phêrô Trí, Antôn Uyển.
1943- Các thầy: Giuse Phúc (III), Tôma Khoan (II).
1944- Các thầy: Anrê Bình, Phêrô Ngũ, Giuse Tiến.
1945- Các thầy: Phêrô Hoàng, Antôn Khoa, Phêrô Yến.
1948- Các thầy: Antôn Bảo (II), Giuse Dĩnh, Phêrô Tư, Phanxicô Xaviê Phượng, Anrê Thịnh, Giuse Thường, Giuse Mai (III), Philiphê Tự.
1949- Thầy Phêrô Thụ (sau chịu chức linh mục).
1951- Các thầy: Đa Minh Bá, Phêrô Cương, Giuse Lại, Cirillô Minh, Gioan Thái và Antôn Thuấn.

Chú thích

(1) Đức cha Marcou Thành, *Thư Chung Địa Phận Thanh*, quyển III, trang 45.

(2) Đức cha Marcou Thành, *Thư Chung Địa Phận Thanh*, quyển II, trang 107.

(3) Đức cha Marcou Thành, *Thư Chung Địa Phận Thanh*, quyển III, trang 686.

(4) Missions Etrangères Paris, *Le Tonkin Maritime*, 1901-1920, trang 33, có phần Souvenir d'année en année, trang 14-15.

(5) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, Saigon, 1957, trang 20, ở đây tác giả chỉ xướng tên riêng, chứ không đề rõ tên họ và tên đệm.

(6) Việt Nam Công giáo Niên Giám, Saigon, 1964.

(7) Lm. Luca Hùng Sỹ, *Trăm Năm Phát Diệm*, Phát Diệm, 2001, trang 68-70.

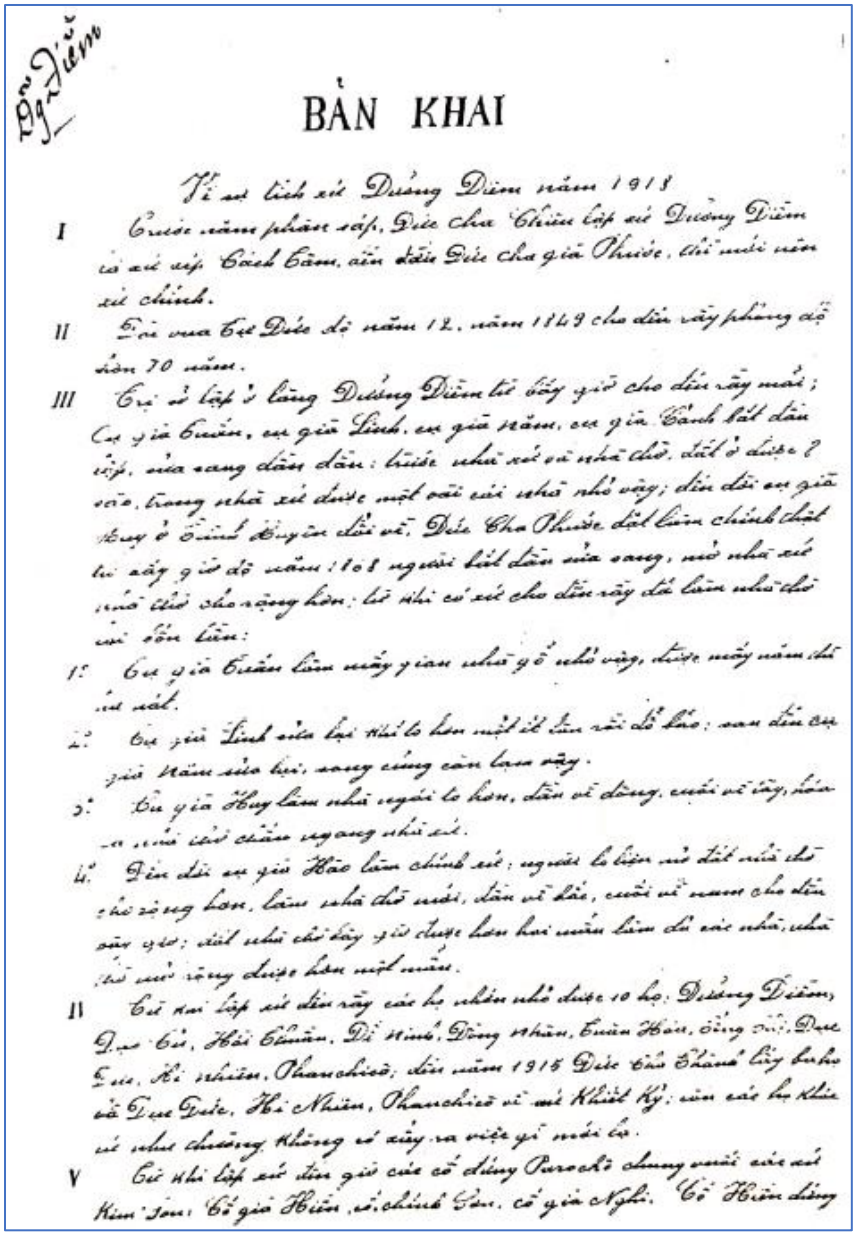

BẢN KHAI

Về sự tích xứ Dương Diêm năm 1918

I Trước năm phân sáp, Đức Cha Chiêu lập xứ Dương Diêm có xứ sở Cách Cầm, cần đầu Đức Cha già Phước, thì mới nên xứ chính.

II Đất vua Tự Đức độ năm 12, năm 1849 cho dân vãy phòng độ chừ 70 năm.

III Cụ ở lập ở làng Dương Diêm tới bấy giờ cho dân vãy mới; Cụ già Tuấn, cụ già Linh, cụ già Năm, cụ già Cảnh lấy dân vãy, của sang dân dân: trước như nhà vô nhà chỏ, dựng ở được 8 cái, trong nhà xứ được một cái cái nhà nhỏ vậy; đến đời cụ già Huy ở Chính Huyện đời vô, Đức Cha Phước dạy làm chính chất lại vãy giờ độ năm 1908 người lấy dân của sang, mở nhà xứ mới thì cho rộng hơn: lúc nhi có xứ cho dân vãy đã làm nhà thờ mới bốn tiền:

1° Cụ già Tuấn làm mấy gian nhà gỗ nhỏ vậy, được mấy năm thì ít nát.

2° Cụ già Linh của lại thì to hơn một ít làm rồi đổ bao; mau đến cụ già Năm của lại, sang cũng còn bao vậy.

3° Cụ già Huy làm nhà ngói to hơn, dài vô dòng, cuối vô tây, hai a nhà cửa chẩm ngang nhà xứ.

4° Đến đời cụ già Hào làm chính xứ; người là liền mở đất nhà thờ cho rộng hơn, làm nhà thờ mới, dài vô đầu, cuối vô nam cho đến bây giờ; đất nhà thờ bấy giờ được hơn hai mẫu làm đi các nhà, nhà thờ mới rộng được hơn một mẫu.

II Cụ hai lập xứ đến vãy các họ nhiều nhỏ được 10 họ: Dương Diêm, Đục Cù, Hải Tuấn, Đi Ninh, Đồng Nhân, Tuấn Hòa, Đồng Tiến, Đục Tu, Hi Nhiên, Phanchiêu; đến năm 1915 Đức Cha Thanh lấy bớt họ Đục Đức, Hi Nhiên, Phanchiêu vô mà Khiết Kỷ; còn các họ khác xứ như chường không có xảy ra việc gì mới lạ.

V Cụ thì lập xứ đến giờ của có đấng Parochô chung mười của xứ Kim Sơn: Cố già Hiền, cố Chính Sơn, cố già Nghi. Cố Hiền đấng

Tài liệu nguyên bản các xứ đạo Phát Diệm (1918)